

Án số: **31 /2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/ 5 /2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1, Ông Trần Trọng Tú

2, Ông Trần Tuấn Hưởng

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phan Thị Quyên – Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:* Bà Nguyễn Thị Thu
Nhưng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16/ 5 /2019 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 916/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc “tranh chấp Ly hôn “. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Bà Vũ Thị Thúy A, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số nhà 710 Seaview2, Chung cư 2, tầng C, phường 10, thành phố V, tỉnh V. *(Có mặt tại phiên tòa)*

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 25, phường Q, thành phố T

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Vũ Thị Thúy A trình bày:

Năm 2006 bà có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Quang T tại UBND phường Tr, thành phố T, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc

gì và có được cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Vợ chồng không có con chung

Nguyên nhân xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, sau vài năm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hai bên không có sự quan tâm chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng ngày càng có khoảng cách, năm 2013 bà phát hiện bị mắc bệnh hiểm nghèo (Ung thư) và điều trị, xạ trị tại Bệnh Viện K Hà Nội gần một năm nhưng ông T bỏ mặc bà, không quan tâm chăm sóc bà một ngày nào, sau khi xạ trị xong do không có sự quan tâm của chồng nên bà vào Vũng Tàu ở với con trai từ năm 2015 đến nay và sống ly thân ông T từ đó, cả hai và không quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng, tình cảm lạnh nhạt dần rồi xa cách không còn cảm xúc gì, cả hai không quan tâm, chia sẻ với nhau những lo toan trong cuộc sống hay những khó khăn trong công việc, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà xin được ly hôn ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà A nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Phía bị đơn ông Nguyễn Quang T trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau: Ông và bà Vũ Thị Thúy A kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng không có con chung. Lý do do bà Vũ Thị Thúy A tự ý xin ly hôn ông không biết, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, bà Vũ Thị Thúy A tự ý bỏ vào trong Miền Nam sống với con trai từ khoảng năm 2016 đến nay không quan tâm đến ông và gia đình. Nay bà A có đơn xin ly hôn ông không nhất trí ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án , ông T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T không nhất trí ly hôn, không đến Tòa để hòa giải với bà A nên Tòa án lập biên bản không tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận vị Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử

và Giấy triệu tập phiên tòa. Căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt bị đơn được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: - Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Vũ Thị Thúy A được ly hôn ông Nguyễn Quang T;

Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: Bà Thúy A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt ông T lần thứ hai mặc dù ông T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Thúy A và ông Nguyễn Quang T kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn theo bà A khai do trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai bên không có sự quan tâm chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng ngày càng có khoảng cách, năm 2013 bà A phát hiện ra bị mắc bệnh hiểm nghèo và điều trị, xạ trị tại Bệnh Viện K Hà Nội gần một năm nhưng ông T bỏ mặc không quan tâm chăm sóc bà, sau khi xạ trị xong do không có sự quan tâm của chồng nên bà vào Vũng Tàu ở với con trai riêng của bà từ năm 2015 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ đó và không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn ông T để ổn định cuộc sống.

Phía ông Nguyễn Quang T không nhất trí ly hôn bà A nhưng ông T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm và cải thiện mối quan hệ vợ chồng, ông cũng xác định vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, bà A đã vào Miền nam ở với con trai riêng của bà A chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng không

còn, ông T níu kéo không nhất trí ly hôn bà A cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị Thúy A, cho bà A được ly hôn ông T là phù hợp với thực tế và quy định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A và ông T đều xác định không có và đều không cung cấp chứng cứ yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Vũ Thị Thúy A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án ong hạn luật định.

Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, Điều 271, 273, 278, 280, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Bà Vũ Thị Thúy A, cho bà A được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị Thúy A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước (chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 0007124 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Nguyên).

5. Về quyền kháng cáo: Bà A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên có quyền kháng nghị

bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH năm 2006;
(P. Trung Vương, TPTN)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Mai Thị Hồng Thái